

HÌNH THÀNH NĂNG LỰC KIẾN TẠO NHẬN THỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUA VIỆC RÈN LUYỆN KỸ NĂNG LÀM VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Nguyễn Quang Hùng^{1*} và Phan Thị Kim Dung²

¹Trường Trung học phổ thông Hòa Bình, thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh, Gia Lai

*Tác giả liên hệ: nguyenquanghunght11@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 31/7/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 13/8/2020; Ngày duyệt đăng: 19/11/2020

Tóm tắt

Theo quan điểm hiện đại, dạy học phải là quá trình chú trọng hướng tới “đánh thức” chủ thể tự giác, tích cực, linh hoạt, sáng tạo... của người học để thay đổi tư duy nhận thức. Trong quá trình dạy học ở trường trung học phổ thông nói chung và trong việc rèn luyện kỹ năng làm văn nghị luận xã hội nói riêng, người dạy cần “đánh thức”, hình thành cho người học năng lực kiến tạo nhận thức - đây chính là dạng năng lực tổng hòa không tách rời của năng lực kiến tạo tri thức, kỹ năng; năng lực kiến tạo tư duy; năng lực kiến tạo điều chỉnh thái độ, hành vi... Khi rèn luyện kỹ năng làm văn nghị luận xã hội, người dạy có nhiều cách để hình thành năng lực kiến tạo nhận thức cho người học như: chú trọng tới việc trang bị kiến thức, kỹ năng “nền”; gắn việc rèn luyện kỹ năng làm văn với việc đánh thức, phát triển năng lực kiến tạo tư duy; thay đổi mô hình rèn luyện kỹ năng trong dạy học làm văn nghị luận xã hội...

Từ khóa: Kiến tạo nhận thức, làm văn nghị luận xã hội, năng lực kiến tạo.

FORMING COGNITIVE CREATIVENESS COMPETENCY FOR HIGH SCHOOL STUDENTS THROUGH WRITING CRITICAL ESSAYS

Nguyen Quang Hung^{1*} and Phan Thi Kim Dung²

¹Hoa Binh High School, Ho Chi Minh City

²Nguyen Chi Thanh High School, Gia Lai

*Corresponding author: nguyenquanghunght11@gmail.com

Article history

Received: 31/7/2020; Received in revised form: 13/8/2020; Accepted: 19/11/2020

Abstract

In modern point of view, teaching should focus on "awakening" the learners' self-consciousness, activeness, flexibility, creativity, etc. to change cognitive thinking. At high school education and for teaching critical essays in particular, teachers need to "awaken" and form learners' cognitive creativeness competency - the comprehensively integrated one of creating knowledge and skills; constructive thinking; adjusting attitudes and behaviors, etc. In critical-essay instruction, teachers have many ways to form this competency for learners such as focusing on building "background" knowledge and skills; associating the training of writing skills with awakening and developing cognitive creativeness competency; changing models in practising critical-essay writing, and so on.

Keywords: Cognitive creation, creativeness competency, writing critical essays.

1. Đặt vấn đề

Thuyết kiến tạo có thể xem là lý thuyết về sự nhận thức trên tinh thần tư tưởng của J. Piaget. Theo Mebrien và Brandt (1997, tr. 87): “Kiến tạo là một cách tiếp cận “đạy” dựa trên nghiên cứu về việc “học” với niềm tin rằng tri thức được kiến tạo bởi mỗi cá nhân người học sẽ trở nên vững chắc hơn rất nhiều so với việc nó được nhận từ người khác”. Kiến tạo nhận thức không chỉ là định hướng mà còn là đích đạt đến của hoạt động dạy học, đây cũng là quá trình tạo ra sự riêng biệt cho mỗi cá nhân khi tiếp cận, lĩnh hội tri thức, kiến tạo nhận thức tạo ra năng lực nhận thức.

Từ đây, chúng ta có thể thấy: năng lực kiến tạo nhận thức trong hoạt động dạy và học là khả năng người học từng bước tìm hiểu những kiến thức bằng những phương pháp nhất định, tiến sát gần đến việc giải quyết vấn đề, để từ đó tự hình thành nên những kiến thức mới, kỹ năng mới, tư duy mới, góp phần điều chỉnh thái độ, hành vi cho chính người học. Năng lực kiến tạo nhận thức chính là năng lực cần được hình thành, đánh thức, phát triển... cho người học, vì nó là dạng năng lực tổng hòa không tách rời của năng lực kiến tạo tri thức, kỹ năng; năng lực kiến tạo tư duy; năng lực kiến tạo điều chỉnh thái độ, hành vi... Năng lực kiến tạo nhận thức trong dạy học rất quan trọng, nó đòi hỏi dạy học phải là hoạt động có sự tương tác đa chiều, nghĩa là, người học phải được chú trọng phát huy tính chủ thể tự giác, tích cực, linh hoạt và sáng tạo trong tiếp nhận, lĩnh hội tri thức.

Trong phân môn Làm văn ở trường trung học phổ thông, phần văn Nghị luận xã hội (NLXH) có vai trò rất quan trọng, Đỗ Ngọc Thống và Nguyễn Thị Thanh Huyền (2010, tr. 5) cho rằng: đó là “Thể văn hướng tới phân tích, bàn bạc, đánh giá các vấn đề liên quan đến con người, đến xã hội, đến các mối quan hệ của con người trong đời sống xã hội. Mục đích hướng đến bàn luận của văn NLXH là tạo ra những tác động tích cực đến con người và những mối quan hệ giữa con người trong xã hội”. Vì thế, văn NLXH luôn chứa tính “thời sự”, gần như

tất cả các vấn đề được đưa ra bàn luận đều là các vấn đề “nóng”, “báo động”... của đời sống xã hội, được dư luận quan tâm, chính tính “thời sự” đã khiến văn NLXH có khả năng nhận diện, phản ánh hiện thực cuộc sống một cách kịp thời, trung thực, khách quan để đánh thức, “phản tỉnh” được nhận thức cho người học. Dạy học Làm văn NLXH phải đánh thức được ở người học thái độ quan tâm tới các vấn đề của cuộc sống, khả năng phát huy cao nhất vốn trải nghiệm đời sống phong phú, tư duy đa chiều, phản biện khi nhận thức, đánh giá, bàn bạc... một vấn đề trên quan điểm, lập trường, thái độ lập luận của chính người học.

Trong dạy học Làm văn nói chung và trong Làm văn NLXH nói riêng, việc rèn luyện kỹ năng rất quan trọng, kỹ năng làm văn chính là khả năng vận dụng thực hành, phối hợp, sáng tạo các thao tác lập luận, thao tác sử dụng ngôn ngữ... vào quá trình kiến tạo một văn bản. Xuất phát từ đặc trưng riêng về đối tượng nghị luận, mục đích nghị luận, việc rèn luyện kỹ năng Làm văn NLXH phải gắn với định hướng phát triển năng lực kiến tạo nhận thức cho người học, nghĩa là người học không chỉ hình thành năng lực kiến tạo kiến thức, kỹ năng làm văn mà còn có sự kiến tạo tư duy, biết điều chỉnh hành vi thái độ của bản thân trước các vấn đề của đời sống xã hội.

2. Những định hướng rèn luyện kỹ năng Làm văn NLXH để hình thành năng lực kiến tạo nhận thức cho học sinh trung học phổ thông

2.1. Trang bị kiến thức, kỹ năng “nền” để hình thành, phát triển năng lực kiến tạo tri thức, kỹ năng cho người học

Có thể thấy kỹ năng Làm văn NLXH bao gồm: kỹ năng nhận diện vấn đề bàn luận; kỹ năng triển khai, tổ chức lập luận. Trang bị kỹ năng “nền” chính là yêu cầu thiết yếu khi dạy học Làm văn NLXH nhằm giúp người học biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo kỹ năng vào thực tiễn khi bàn luận các vấn đề xã hội:

2.1.1. Kỹ năng nhận diện vấn đề xã hội bàn luận

Đối với dạng đề văn thông thường, khi nhận diện vấn đề bàn luận, người học cần xác định

trọng tâm vấn đề bằng cách đọc kỹ đề văn, bám vào các “từ khóa”, hoặc từ ngữ quan trọng giúp gợi mở tìm vấn đề.

Ví dụ: John C. Maxwell (2015, tr.130) đã từng viết:

“Nhiều người cho rằng phát triển là điều tốt. Nhưng chỉ ít người dám cống hiến cả cuộc đời mình cho sự phát triển đó. Tại sao vậy? Bởi vì muốn phát triển đòi hỏi phải có sự thay đổi, trong khi đó họ lại không sẵn sàng cho bất cứ sự thay đổi nào. Tuy nhiên, một sự thật hiển nhiên là nếu không thay đổi thì không thể có sự phát triển. Nhà văn Gail Sheehy đã khẳng định: “Nếu không thay đổi thì sẽ không bao giờ phát triển. Nếu không phát triển thì không phải là cuộc sống. Phát triển đòi hỏi phải tạm từ bỏ cảm giác an toàn. Điều này có nghĩa là phải từ bỏ lối sống quen thuộc nhưng luôn bị hạn chế bởi tính khuôn mẫu, tính an toàn, những điều không bao giờ khiến cuộc sống của bạn tốt hơn được. Những điều đó sẽ khiến bạn không còn tin tưởng vào các giá trị khác, mọi mối quan hệ đều không còn ý nghĩa. Nhà văn Dostoevsky nói: “Tiến thêm một bước, nói thêm một lời là những điều đáng sợ nhất”. Nhưng trên thực tế, điều ngược lại mới là điều đáng sợ nhất”. Tôi nghĩ không có gì tồi tệ hơn là cứ sống mãi một cuộc sống trì trệ, không bao giờ thay đổi và không bao giờ phát triển”.

Từ nội dung ý kiến trên, anh/chị/hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về **điều bản thân cần thay đổi để có thể thành công** trong cuộc sống.

Đối với dạng đề văn bị “ẩn” hoặc “chìm” vấn đề, người học phải biết gắn vào các câu hỏi để tìm ra vấn đề xã hội sẽ bàn luận như: bàn về ý nghĩa, vai trò, tác dụng... cần thiết, quan trọng của cái gì, điều gì, bàn về tác hại, hậu quả gì, bàn về mối quan hệ giữa những cái gì, điều gì,...

Ví dụ: Anh/chị hãy bày tỏ quan điểm của mình về phương châm học tập sau của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trong việc học phải lấy tự học làm cốt”.

Trong đề văn trên, người học cần chú ý các

từ gợi ý quan trọng đó là tự học, làm cốt; đồng thời gắn vào câu hỏi để xác định vấn đề bàn luận đó là: câu nói bàn về vai trò quan trọng của điều gì? - tự học trong học tập.

Đối với dạng đề văn “mờ”, người học phải biết tự đặt ra các câu hỏi như: bàn luận vấn đề xã hội gì, phạm vi vấn đề xã hội bàn luận tới đâu, bàn luận quan điểm của ai, tình huống “có vấn đề” nằm trong vấn đề bàn luận là gì, chọn góc độ bàn luận nào...

Ví dụ: Có quan điểm cho rằng: giá trị nằm ở chỗ bạn đã làm gì để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, chứ không nằm ở chỗ bạn đã đối diện với nó bao nhiêu lần.

Hãy lấy chủ đề “Vượt qua trở ngại trong cuộc sống” để viết một bài văn ngắn.

2.1.2. Kỹ năng triển khai lập luận

Triển khai lập luận chính là kỹ năng người học biết hình thành, tổ chức, phát triển bố cục cho bài làm văn NLXH, đoạn văn NLXH trên cơ sở của việc vận dụng kết hợp, linh hoạt các thao tác lập luận.

a. Kỹ năng diễn giải làm rõ vấn đề (chủ yếu sử dụng thao tác lập luận giải thích), cần làm rõ: vấn đề đó là gì, ra sao, hiểu như thế nào. Lưu ý khi sử dụng thao tác giải thích người học, người viết cần ngắn gọn, đi vào làm rõ bản chất khái niệm nhằm giúp người đọc, người nghe hiểu cụ thể vấn đề sẽ bàn luận.

b. Kỹ năng đánh giá vấn đề - vấn đề đúng hay sai, báo động, cấp bách, thiết thực, cần thiết, có ý nghĩa, quan trọng... ra sao, tới đâu. Lưu ý phân đánh giá vấn đề cần khái quát và người viết cần thể hiện rõ quan điểm của mình trước đối tượng, vấn đề bàn luận.

c. Kỹ năng khẳng định vấn đề (chủ yếu sử dụng thao tác lập luận phân tích, chứng minh) - cần sử dụng, khai thác các lý lẽ, dẫn chứng xã hội nào, lý lẽ nào là trọng tâm, cách tổ chức lập luận ra sao để khẳng định vấn đề và để tạo hiệu quả lập luận thuyết phục nhất. Lưu ý: tự đặt câu hỏi để tìm lý lẽ như tại sao vấn đề đúng, tại sao đây là vấn đề cấp bách... Hệ thống luận cứ

(bao gồm lý lẽ, dẫn chứng), luận chứng (cách tổ chức lập luận) trong bài làm văn NLXH phải có tính hệ thống, logic, hỗ trợ cho trọng tâm vấn đề bàn luận.

d. Kỹ năng bàn luận vấn đề (chủ yếu sử dụng thao tác lập luận bình luận, thao tác lập luận bác bỏ: nêu ý nghĩa, tác dụng, tác động... của vấn đề đối với nhận thức của con người, xã hội; mở rộng, lật ngược vấn đề để bàn luận, có thể bác bỏ, hoặc bổ sung cho vấn đề giúp việc đánh giá, nhìn nhận vấn đề thấu đáo, toàn diện, thuyết phục bằng các luận cứ và thái độ bản thân; phê phán những thái độ, hành vi trái với vấn đề đang bàn luận; bài học nhận thức, có ý nghĩa sâu sắc cho bản thân, đề xuất các giải pháp, biện pháp khắc phục, bổ sung, cải tạo... vấn đề bàn luận.

e. Kỹ năng khai thác, sử dụng dẫn chứng: dẫn chứng trong bài làm văn NLXH (đoạn văn NLXH) chủ yếu được sử dụng trong lập luận khẳng định vấn đề và bàn luận vấn đề; dẫn chứng cần cụ thể, xác thực, tiêu biểu, có ý nghĩa... trong đời sống, khoa học, chính trị, xã hội, lịch sử...; đồng thời, khi đưa vào bài làm văn NLXH, dẫn chứng phải được phân tích ngắn gọn, có định hướng để hỗ trợ cho quá trình lập luận thêm chặt chẽ, lô gic, thuyết phục...

2.2. Gắn việc rèn luyện kỹ năng làm văn NLXH với việc đánh thức, phát triển năng lực kiến tạo tư duy cho người học

Kiến tạo tư duy có thể hiểu là khả năng người học biết linh hoạt thay đổi cách nhìn, cách khám phá, đánh giá... về đối tượng khách quan trên cơ sở của tư duy đa chiều, tư duy phản biện - hình thành năng lực kiến tạo tư duy chính là cách hình thành, phát triển cho người học thế giới quan và nhân sinh quan tích cực.

2.2.1. Trang bị, hình thành cho người học lối tư duy đa chiều khi nhận diện vấn đề xã hội

Trước một vấn đề xã hội bàn luận, người học không chỉ biết nhận diện vấn đề từ bề nổi, nghĩa là trên câu chữ - bàn luận vấn đề gì mà còn biết khai thác, soi rọi vấn đề từ “bề ẩn”,

“bề sâu”, “bề chìm” chứa tính đa chiều, đa diện của vấn đề - yếu tố bàn luận có “vấn đề” là gì, ở đâu, bàn luận để làm gì, hướng tới điều gì. Do đó, khi đứng trước một vấn đề xã hội bàn luận, người học phải luôn đặt vấn đề vào hoàn cảnh, vào tình huống, vào các mối quan hệ... để phát hiện ra “ẩn ý” hay “bề sâu” của vấn đề bàn luận. Chúng ta sẽ khảo sát ví dụ sau: Anh/chị có đồng tình với quan điểm sống “Một sự nhịn bằng chín sự lành” hay không?

Vấn đề bàn luận nhận diện ở bề nổi: quan điểm sống lấy sự nhịn nhịn làm cần thiết, quan trọng.

Vấn đề bàn luận nhận diện ở bề sâu khác như: đây là quan điểm, cách sống, phương châm sống yếm thế, bị động đang tồn tại khá phổ biến trong xã hội; có thể bàn về phương châm sống “khôn ngoan” khi tự khiêm nhường, chấp nhận phần thiệt thòi về bản thân để “dĩ hòa vi quý”, để “an toàn” trong cuộc sống...

2.2.2. Trang bị cho người học tư duy phản biện vấn đề khi bàn luận, lập luận

Tư duy phản biện có thể hiểu là một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác cho vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề, từ đó góp phần trang bị cho con người khả năng linh hoạt, nhạy bén trong suy luận, tranh luận... vấn đề.

Khi đối diện trước vấn đề bàn luận, người học cần phải xác định được mức độ và phạm vi phản biện: phản biện toàn bộ vấn đề hay phản biện một phần, một điểm, một khía cạnh... của vấn đề.

Để phản biện khi lập luận, trước tiên, người học tiến hành phản vấn. Phản vấn chính là cách tự đặt ra các câu hỏi trái ngược với vấn đề đang bàn luận để tìm ra điểm phản biện.

Ví dụ, khi bàn luận câu nói: “Thất bại là mẹ thành công”, người học có thể đặt ra các câu hỏi:

- Có phải sự thất bại luôn đem đến thành công cho con người?

- Sau thất bại, muốn thành công con người cần phải chú trọng đến điều gì?

Sau khi đặt ra các câu hỏi, người học cần đi tìm các luận cứ (gồm lý lẽ và dẫn chứng) để triển khai lập luận, cần lưu ý, câu hỏi phản vấn phải hướng tới trọng tâm vấn đề bàn luận. Trong ví dụ trên, có thể triển khai luận cứ để trả lời câu hỏi phản luận: Có phải sự thất bại luôn đem đến thành công cho con người?

- Thất bại sẽ đem đến thành công cho con người, vì sau thất bại con người sẽ thu nhận được trực tiếp các bài học kinh nghiệm, nhận thức được thiếu sót, hạn chế, tồn tại của bản thân để khắc phục, thay đổi, sửa đổi nên có thể thành công; đồng thời, thất bại cũng góp phần rèn luyện cho con người ý chí, nghị lực, quyết tâm, khả năng linh hoạt, nhạy bén trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề để thành công trong giải quyết công việc và trong đời sống.

- Thất bại không đồng nghĩa sẽ đem đến thành công cho con người, vì sau thất bại con người dễ rơi vào trạng thái bi quan, tự ti, chán nản, hay hoài nghi, thất vọng về khả năng của bản thân; sự thất bại nào của con người cũng dẫn tới sự trả giá, mất mát có thể là ít hay nhiều...

Khi phản biện, người học phải chỉ ra điểm sai, mặt sai, điểm hạn chế, điểm còn tồn tại, điểm trái ngược... của vấn đề đang bàn luận, đồng thời cần bổ sung điều gì, điểm nào để vấn đề bàn luận được hoàn thiện?

Trong ví dụ **trên**, điểm còn tồn tại của câu nói: “Thất bại là mẹ thành công” là cách nhận thức vấn đề chủ quan, một chiều, cần bổ sung cho vấn đề như: Sau thất bại, muốn thành công con người cần chú ý tới điều gì?

Để phản biện, khi đối diện với vấn đề bàn luận, người học có thể giả định tình huống lập luận bằng cách lật ngược vấn đề để xem xét, đánh giá theo kiểu chứng minh phản luận đề. Trong ví dụ trên, chúng ta có thể đưa ra một giả định lập luận, đồng thời sử dụng luận cứ để khẳng định: Trong trường hợp nào, thất bại không đem lại thành công cho con người?

Nguyễn Quang Hùng (2016, tr. 16-18) cho rằng: “Khi phản biện người học cần đưa ra các

quan điểm, ý kiến trái chiều hoặc tương đồng với vấn đề đang bàn luận. Chúng ta có thể tán đồng hay phản đối một trong các ý kiến đó hoặc đưa ra quan điểm riêng của mình về vấn đề đang bàn - yêu cầu quan trọng nhất đối với người làm văn NLXH phải có quan điểm, chính kiến của mình trong việc nhận thức, lý giải vấn đề, từ đó thuyết phục người khác hiểu, tin, đồng tình, hành động với mình. Việc đưa ra các ý kiến, quan điểm khác nhau về vấn đề đang bàn luận sẽ giúp cho việc nhận thức, đánh giá, phân tích... vấn đề trở nên sâu sắc, đa chiều, khách quan”. Trong ví dụ, khi phản biện người viết có thể đưa ra các câu nói, các quan niệm khác nhau để xem xét, đánh giá, đối chiếu với vấn đề đang bàn luận như: “Thất bại chính là một cơ hội để ta bắt đầu làm lại một việc gì đó một cách khôn ngoan hơn” (Henry Ford), “Thất bại không phải là vấp ngã mà là cứ nằm lì sau khi ngã” (M.A. Karrera)... (Huỳnh Minh Nhật (sưu tầm)).

2.3. Rèn kỹ năng làm văn NLXH gắn với quá trình hình thành cho người học năng lực kiến tạo, điều chỉnh thái độ và hành vi trước vấn đề xã hội

Khi bàn luận một vấn đề xã hội, ngoài tư duy phản biện người học cần được đánh thức, khai thác năng lực tự kiến tạo thái độ, hành vi của bản thân, đó chính là thái độ chủ động, tích cực trước vấn đề: là đồng tình hay phản đối là phê phán, lên án hay ca ngợi, biểu dương. Thái độ của người học cần dứt khoát, cụ thể khi đối diện trước vấn đề xã hội bàn luận. Ví dụ bàn về hành vi “hôi bìa” của một số người dân Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, dứt khoát người học phải có thái độ quyết liệt lên án thói xấu, sự vô cảm còn tồn tại trong xã hội, đồng thời phải có sự cảnh báo với cộng đồng về căn bệnh vô cảm... Khi bày tỏ thái độ, người học cũng cần có các căn cứ lập luận đúng đắn, lô-gic.

Điều chỉnh thái độ, hành vi khi bàn luận một vấn đề xã hội còn là việc người học phải tự “phản tỉnh” bản thân: biết nhìn ra điều sai, điều tiêu cực, điểm hạn chế... để hướng tới thái độ sống lành mạnh, tích cực, dứt khoát thay đổi bản

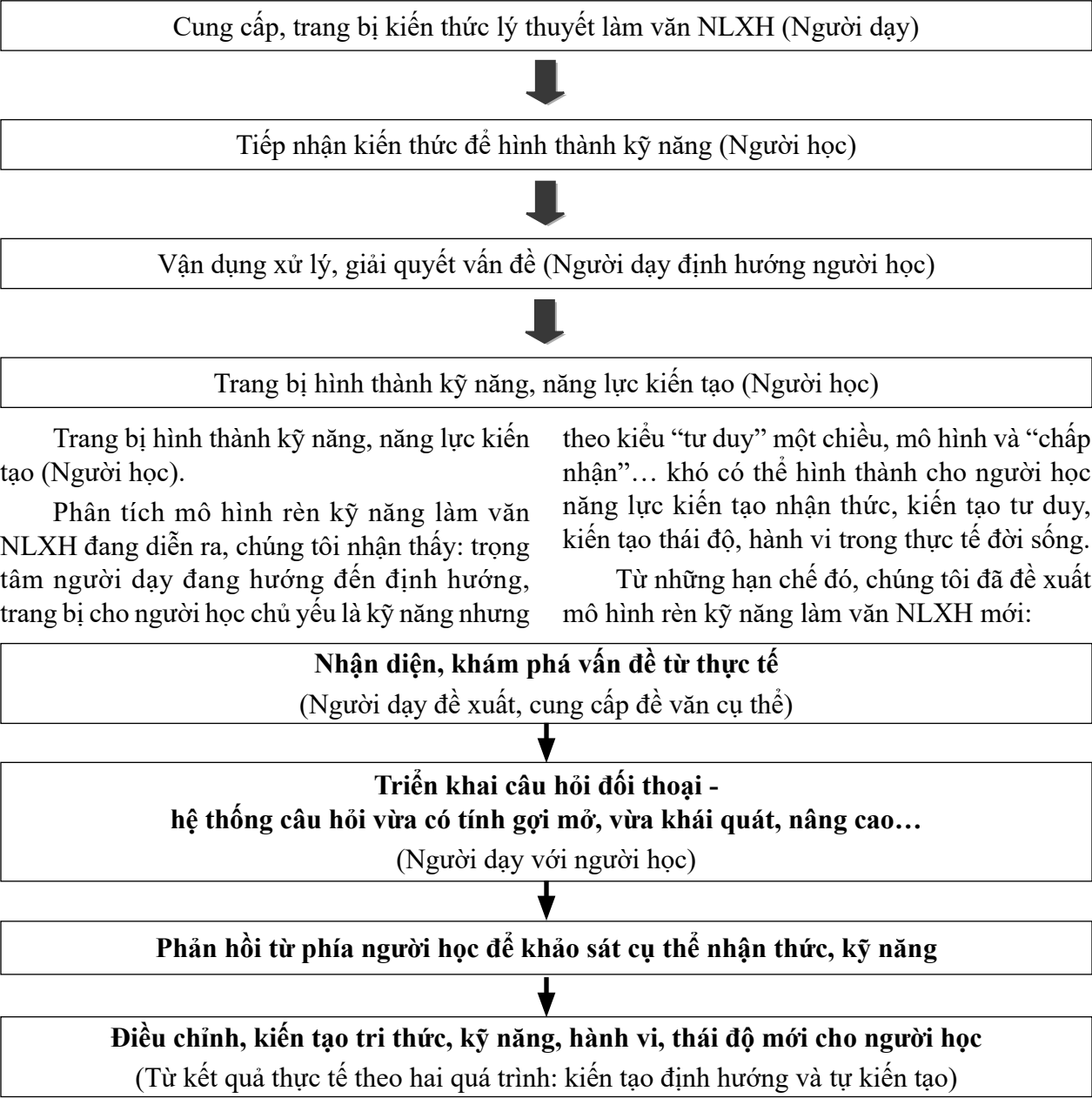
thân. Ví dụ: hành vi “hôi bia” của một số người dân Biên Hòa diễn ra còn do cộng đồng không kịp thời ngăn chặn, lên án, hành vi đó sẽ không tồn tại nếu chúng ta biết cảnh tỉnh kịp thời.

Điều chỉnh thái độ, hành vi còn là việc người học biết “cảnh tỉnh” hướng tới đánh thức thái độ sống, nhận thức sống của cộng đồng, dư luận để cùng đồng tình với quan điểm, lập luận của bản thân. Đây chính là một dạng của tính “cảnh báo” trong văn NLXH.

2.4. Thay đổi mô hình rèn luyện kỹ năng trong dạy học Làm văn NLXH ở trường phổ thông

Để hình thành năng lực kiến tạo nhận thức cho người học, việc rèn luyện kỹ năng làm văn phải có những thay đổi để hướng tới khai thác, đánh thức chủ thể tích cực, linh hoạt, sáng tạo, đột phá... của người học trong tư duy. Để làm rõ điều này, chúng tôi đã khảo sát hai mô hình rèn kỹ năng làm văn NLXH như sau:

Mô hình rèn kỹ năng làm văn NLXH đang phổ biến trong trường phổ thông:



Với mô hình rèn kỹ năng làm văn NLXH mới, chúng tôi đã kiểm nghiệm từ thực tế tính hiệu quả so với mô hình đang phổ biến của việc dạy học làm văn NLXH ở trường phổ thông từ những điểm sau: *thứ nhất*, người học khá tự tin khi đối diện với các vấn đề xã hội cần bàn luận trong các đề kiểm tra, đề thi, từ đó người dạy hướng tới khai thác, phát huy năng lực chủ động, linh hoạt, sáng tạo của người học (đó là năng lực nhận diện vấn đề xã hội bàn luận, năng lực triển khai lập luận...); *thứ hai*, trang bị, hình thành cho người học năng lực và tư duy “phản biện” trước vấn đề xã hội bàn luận, khả năng lập luận vấn đề thấu đáo; *thứ ba*, người học được hình thành, kiến tạo kiến thức và kỹ năng mới, đồng thời tự điều chỉnh nhận thức, thái độ và hành vi cho bản thân ngay trong vấn đề xã hội bàn luận.

3. Kết luận

Trong dạy học làm văn, đặc biệt trong việc rèn luyện kỹ năng làm văn NLXH ở trường phổ thông đích hướng đến quan trọng nhất là người dạy phải hình thành cho người học năng lực tự kiến tạo nhận thức. Từ năng lực này, người học sẽ được trang bị tư duy nhận thức tích cực, đa chiều; bản lĩnh sống; phương pháp học tập khoa học, chủ động, sáng tạo trong quá trình tiếp cận tri thức nhân loại./.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Ngọc Thống và Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2010). *Dạy và học nghị luận xã hội*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Huỳnh Minh Nhật (sưu tầm). STT Thất bại, Danh ngôn và 70 câu nói hay về sự thất bại ý nghĩa. *Ô cửa sổ*, Truy cập từ <https://ocuaso.com/stt-danh-ngon/stt-that-bai-danh-ngon-70-cau-noi-hay-ve-su-that-bai-y-nghia.html>.
- Maxwell, John C. (2015). *Cách tư duy khác về thành công*. NXB Lao động - Xã hội.
- Mebrien and Brandt. (1997). *Constructivist learning environments: case studies in instructional design*. Englewood Cliffs, New Jersey: Educational Technology Publications.
- Nguyễn Quang Hùng. (2014). Những định hướng giúp học sinh trung học phổ thông rèn luyện kỹ năng lập luận trong bài làm văn NLXH. *Tạp chí Khoa học Đại học Hồng Đức*, 22, 24-29.
- Nguyễn Quang Hùng. (2016). Hình thành kỹ năng phản biện cho học sinh THPT qua bài làm văn NLXH. *Tạp chí Giáo dục*, 20, 16-18.